

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HS-ST

Ngày 08 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chương và Ông Võ Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H; giới tính: Nữ; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1992 tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn M, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn L (Chết) và bà Nguyễn Thị H (Chết); chồng: Phan Xuân Tr, sinh năm 1991; con: có 02 đứa, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” kể từ ngày 29/4/2022 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1991; nơi đăng ký HKTT: Thôn 3, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở hiện nay: Số 99 TL 16, Khu phố 3D, phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Khu 3, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Ông Trần Văn X, sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn N, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Kh, sinh năm 1962; nơi đăng ký HKTT: phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; trước đây có địa chỉ tại: số 75A, Ngõ 3, đường Nguyễn K, Khối 8, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979; trước đây có địa chỉ tại: thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5. Bà Phạm Ngọc D, sinh năm 1967; nơi đăng ký HKTT: 302/6, khu phố 5, phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; trước đây có địa chỉ tại: 109/7 đường H, khu phố 3A, phường T, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

6. Bà Ung Trần Thanh Tr, sinh năm 1981; nơi đăng ký HKTT: 59/26 X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

7. Bà Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1972; nơi đăng ký HKTT: Khu phố 4, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

8. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Ấp 7, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cư trú: thôn X, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh năm 1994; nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cư trú: Số 85 (1A/4 cũ) Nguyễn Trãi, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

11. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1985; nơi đăng ký HKTT và địa chỉ cư trú: Số 1/319 đường Hà Huy Liệu, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt Nh sau:

Trong tháng 5/2020, Nguyễn Thị Thu H đăng nhập vào ứng dụng Facebook và xem các video bán hàng online qua hình thức “Livestream” trên các trang Facebook: “Trần Tổ Vân” Chuyên Sỉ Lẻ Giày Túi Xách QC Full Box SLL do anh Trần Văn X làm chủ và trang Facebook “Giày Lê Diệp Nam Định”, “Lê Diệp - Giày Xinh” do anh Nguyễn Duy T làm chủ. Quá trình xem video, H thấy trong mục bình luận công khai có nhiều khách hàng xem đã để lại số điện thoại để đặt mua hàng, lúc này Nguyễn Thị Thu H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những khách hàng đã để lại số điện thoại đặt mua hàng trên các livestream bán hàng trên. Nguyễn Thị Thu H sử dụng số điện thoại 0971.289.734 và số 0368.649.317 gọi điện thoại trực tiếp đến người đã để lại số điện thoại khi đặt mua hàng, giả danh là nhân viên bán hàng của các hộ kinh doanh do anh Trần Văn X và anh Nguyễn Duy T làm chủ, yêu cầu khách hàng thanh toán tiền mua hàng trước hoặc đặt cọc tiền để nhận hàng và hưởng khuyến mãi thông qua tài

khoản của Nguyễn Thị Thu H: 0311000742715 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, chi nhánh Quảng Bình, cụ thể Nh sau:

Ngày 22/5/2020 Nguyễn Thị Thu H giả danh nhân viên bán hàng của trang Facebook “Trần Tổ Vân” Chuyên Sỷ Lẻ Giày Túi Xách QC Full Box SLL, dùng số điện thoại 0368.649.317 gọi đến số máy 0903.100.171 của chị Nguyễn Thị Ch, trước đó đã đặt mua một số hàng trị giá 1.825.000 đồng, yêu cầu chị Ch chốt đơn mua hàng và chuyển trước số tiền 500.000 đồng vào tài khoản của H để đặt cọc tiền hàng, sau đó H và chị Ch kết bạn trên Zalo, trao đổi thông tin với nhau. Khi chị Ch chuyển số tiền 500.000 đồng thì H nhắn tin cho chị Ch với nội D nếu chuyển hết số tiền còn lại của đơn hàng thì sẽ được hưởng khuyến mãi, vì tin lời H nên chị Ch đã chuyển số tiền 1.325.000 đồng cho H. Sau đó chị Ch có hỏi H về đơn hàng chị đã đặt mua vào ngày 19/5/2020 với tổng giá trị 1.076.000 đồng thì H nhắn tin yêu cầu chị Ch thanh toán trước số tiền trên và 37.000 đồng tiền phí vận chuyển, chị Ch tiếp tục mua thêm bộ chậu inox trị giá 159.000 đồng, nên H yêu cầu chị Ch chuyển tổng số tiền 1.272.000 đồng để nhận hàng, sau đó chị Ch đã chuyển số tiền trên vào tài khoản của Nguyễn Thị Thu H. Sau khi nhận số tiền theo yêu cầu chị Ch chuyển thì H chặn tài khoản Zalo và chặn liên lạc với chị Ch. Tổng số tiền chị Ch đã chuyển cho H là 3.097.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị Thu H còn khai nhận: với cách thức, thủ đoạn Nh trên, trong tháng 5/2020, H còn chiếm đoạt của những người khác, với số tiền 10.610.000 đồng, cụ thể: ngày 11/5/2020, chiếm đoạt số tiền 200.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim T; ngày 17/5/2020, chiếm đoạt số tiền 1.570.000 đồng của bà Phạm Ngọc D; ngày 18/5/2020, chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị H; ngày 19/5/2020, chiếm đoạt số tiền 800.000 đồng của chị Vũ Thị D; ngày 21/5/2020, chiếm đoạt số tiền 1.565.000 đồng của bà Lê Thị Kh; ngày 22/5/2020, chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng của chị Lê Thị Hồng Th; ngày 23/5/2020, chiếm đoạt số tiền 1.575.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thùy L; ngày 25/5/2020, chiếm đoạt số tiền 1.935.000 đồng của chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh; ngày 26/5/2020 chiếm đoạt số tiền 675.000 đồng của chị Ung Trần Thanh Tr; ngày 28/5/2020 chiếm đoạt số tiền 290.000 đồng của chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại J7, màu hồng, số IMEI 1: 355228087817738, số IMEI 2: 35522908717736, đã qua sử dụng, bên trong có chứa sim số: 0971.289.734, số seri: 8984048000002916956 và sim số: 0368.649.317, số seri: 8984048000074267169; 01 thẻ ATM do ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) phát hành, số thẻ: 9704366816370136017, chủ thẻ: “NGUYEN THI THU HIEN”, đã qua sử dụng.

Về dân sự: Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Ch số tiền 3.097.000 đồng, bà Lê Thị Hồng Th số tiền 500.000 đồng, bà Phạm Ngọc D số tiền 1.570.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000 đồng, bà Lê Thị Kh số tiền 1.565.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 1.575.000 đồng, chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh hai lần với tổng số tiền 2.225.000 đồng, chị Lê Thị Hồng Th số tiền 500.000 đồng và chị Ung Trần Thanh Tr số tiền 675.000 đồng.

Tại phiên Tòa hôm nay vắng mặt bị hại và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ. Xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc họ vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng khách quan đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

Tại Cáo trạng số 46/CT - VKSBD ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khẩu trừ thu nhập cho bị cáo.

+ Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại J7, màu hồng, số IMEI 1: 355228087817738, số IMEI 2: 35522908717736, đã qua sử dụng, bên trong có chứa sim số: 0971.289.734, số seri: 8984048000002916956 và sim số: 0368.649.317, số seri: 8984048000074267169 và tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) phát hành, số thẻ: 9704366816370136017, chủ thẻ: “NGUYEN THI THU HIEN” là công cụ bị cáo H dùng vào việc phạm tội.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Ch số tiền 3.097.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 2.225.000 đồng, bà Lê Thị Hồng Th số tiền 500.000 đồng. Tổng cộng 7.322.000 đồng (bảy triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Bà Lê Thị Kh, bà Phạm Ngọc D, chị Nguyễn Thị Thùy L, bà Ung Trần Thanh Tr có quyền khởi kiện yêu cầu Nguyễn Thị Thu H bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng do phạm tội mà có (trong đó chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 200.000 đồng, bà Vũ Thị D số tiền 800.000 đồng).

+ Tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu H nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với toàn bộ nội D Cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Nh tại Cơ quan điều tra, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, cải tạo, giáo dục tại địa phương.

- Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định Nh sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng Nh tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, nội D Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: trong tháng 5/2020, bị cáo đăng nhập vào ứng dụng Facebook và xem các video bán hàng online qua hình thức “Livestream” trên các trang Facebook: “Trần Tô Vân” Chuyên Sỷ Lê Giày Túi Xách QC Full Box SLL do anh Trần Văn X, sinh năm 1986 ở thôn Nam Điền Khê, xã Gia Trung, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình làm chủ và trang Facebook “Giày Lê Diệp Nam Định”, “Lê Diệp - Giày Xinh” do anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1971, địa chỉ Khu 3, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định làm chủ. Quá trình xem video, H thấy trong mục bình luận công khai có nhiều khách hàng xem đã để lại số điện thoại để đặt mua hàng, lúc này Nguyễn Thị Thu H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những khách hàng đã để lại số điện thoại đặt mua hàng trên các livestream bán hàng trên. Bằng thủ đoạn dùng điện thoại liên lạc đến số điện thoại của những người đặt mua hàng, bị cáo giả danh nhân viên bán hàng của các trang Facebook trên, đưa ra thông tin gian dối, chiếm đoạt tiền của người để số điện thoại đặt mua hàng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người đặt mua hàng là 12.907.000 đồng, cụ thể: chị Nguyễn Thị Ch 3.097.000 đồng; chị Lê Thị Hồng Th 500.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim T 200.000 đồng; bà Phạm Ngọc D số tiền 1.570.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000 đồng; bà Lê Thị Kh số tiền 1.565.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 1.575.000 đồng; chị Nguyễn Thị

Quỳnh Nh số tiền 1.935.000 đồng vào ngày 25/5/2020 và số tiền 290.000 đồng vào ngày 28/5/2020, tổng cộng 2.225.000 đồng; chị Lê Thị Hồng Th số tiền 500.000 đồng và chị Ung Trần Thanh Tr số tiền 675.000 đồng. Trong số tài sản của những người bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt, có tài sản của bà Nguyễn Thị Ch đủ tang số truy cứu trách nhiệm hình sự. Các tài sản của những người bị chiếm đoạt khác, số tiền mỗi người bị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng và đều thực hiện độc lập, không có tính liên tục về mặt thời gian, không có tính chất chuyên nghiệp nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Thu H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xét xử bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra cũng Nh tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mẹ ruột bị cáo, bà Nguyễn Thị Huệ là người có công với cách mạng, bị nhiễm chất độc hóa học. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để xử phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo và giao bị cáo cho Ch quyền địa phương, phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục để tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời đảm bảo mục đích, tác dụng của hình phạt. Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng hình cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 1000.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành án; cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để miễn chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Xác định điện thoại di động và thẻ ATM mà Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước điện thoại di động hiệu Samsung, loại J7, màu hồng, số IMEI 1: 355228087817738, số IMEI 2: 35522908717736, đã qua sử dụng, bên trong có chứa sim số: 0971.289.734, số seri: 898404800002916956 và sim số: 0368.649.317, số seri: 8984048000074267169 đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) phát hành, số thẻ: 9704366816370136017, chủ thẻ: “NGUYEN THI THU HIEN”, đã qua sử dụng, hiện không còn giá trị sử dụng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: trong số những người bị bị cáo chiếm đoạt tài sản, có người có yêu cầu bị cáo bồi thường, có người không yêu cầu bị cáo bồi thường. Trong số những người yêu cầu bị cáo bồi thường, có người hiện còn có địa chỉ cụ thể, có người không còn ở địa chỉ trước đây và Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không có kết quả, không xác định được hiện ở đâu. Do vậy, để đảm bảo vấn đề bồi thường và thi hành án dân sự có kết quả, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự đối với những người có yêu cầu và có địa chỉ cụ thể. Đối với những người hiện nay không xác định được địa chỉ thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu bồi thường. Cụ thể:

Đối với những người bị bị cáo H chiếm đoạt tài sản gồm: chị Nguyễn Thị Ch số tiền 3.097.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh hai lần với số tiền 2.225.000 đồng (ngày 25/5/2020, bị chiếm đoạt số tiền 1.935.000 đồng; ngày 28/5/2020 bị chiếm đoạt số tiền 290.000 đồng), bà Lê Thị Hồng Th số tiền 500.000 đồng. Tổng cộng 7.322.000 đồng. Những người này có địa chỉ cụ thể và yêu cầu bị cáo bồi thường. Do vậy, cần áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho những người này.

Đối với những người bị bị cáo H chiếm đoạt tài sản, gồm: bà Lê Thị Kh số tiền 1.565.000 đồng, bà Phạm Ngọc D số tiền 1.570.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thùy L số tiền 1.575.000 đồng, bà Ung Trần Thanh Tr số tiền 675.000 đồng. Những người này Cơ quan điều tra không xác định được hiện nay sinh sống ở đâu, Tòa án đã đăng tin trên cổng thông tin điện tử của Tòa án để triệu tập họ đến

phiên tòa Nhng họ vắng mặt. Để đảm bảo vấn đề bồi thường và thi hành án dân sự có kết quả, những người này có quyền yêu cầu bị cáo bồi thường bằng việc khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự.

Đối với những người bị bị cáo H chiếm đoạt tài sản, gồm: bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 200.000 đồng, bà Vũ Thị D số tiền 800.000 đồng; tổng cộng 1.000.000 đồng. Những người này không yêu cầu bị cáo bồi thường; do vậy cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng do phạm tội mà có.

[9] Về án phí: bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hình và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề liên quan khác: bà Lê Thị Hồng Th, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Phạm Ngọc D, bà Nguyễn Thị H, bà Lê Thị Kh, chị Nguyễn Thị Thùy L, chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh, bà Ung Trần Thanh Tr, mỗi người bị bị cáo chiếm đoạt tài sản dưới 2.000.000 đồng, không có tính chất liên tục về mặt thời gian, không xác định bị cáo có tính chất chuyên nghiệp nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi vi phạm đối với những người này đến nay đã hết thời hiệu để xử phạt vi phạm hành Ch theo quy định của Luật xử phạt vi phạm hành Ch nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 174; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Điều 30; các điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; các khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các Điều 584, 585, 588, 589 Bộ luật dân sự;

Các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại J7, màu hồng, số IMEI 1: 355228087817738, số IMEI 2: 35522908717736, đã qua sử dụng, bên trong có chứa sim số: 0971.289.734, số seri: 898404800002916956 và sim số: 0368.649.317, số seri: 8984048000074267169 đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) phát hành, số thẻ: 9704366816370136017, chủ thẻ: “NGUYEN THI THU HIEN”, đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm mô tả Nh Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

5. Về dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ch số tiền 3.097.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.500.000 đồng, chị Nguyễn Thị Quỳnh Nh số tiền 2.225.000 đồng, bà Lê Thị Hồng Th số tiền 500.000 đồng. Tổng cộng 7.322.000 đồng (bảy triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Bà Lê Thị Kh, bà Phạm Ngọc D, chị Nguyễn Thị Thùy L, bà Ung Trần Thanh Tr có quyền khởi kiện yêu cầu Nguyễn Thị Thu H bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng do phạm tội mà có.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Xử buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 366.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/12/2022. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Anh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hòa

Phan Thanh Bảo

Phan Anh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hòa

Phan Thanh Bảo

Phan Anh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Đồn, ngày..... tháng.....năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2020, Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

ông.....

- Các Hội thẩm nhân dân:.....

.....

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số...../2020/HSST ngày/...../2020, đối với bị cáo Đậu Quyền Quý.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NH SAU:**

1. Về tội danh: bị cáo Đậu Quyền Quý phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Kết quả biểu quyết:.....

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết:.....

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đậu Quyền Quý.....(.....) tháng
tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/6/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đậu Quyền Quý với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày
tuyên án sơ thẩm (30/9/2020) để đảm bảo thi hành án, theo quyết định tạm giam
của Hội đồng xét xử.

Kết quả biểu quyết:.....

4. Về hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đậu Quyền
Quý.

Kết quả biểu quyết:.....

5. Về các vấn đề khác:

- Về xử lý vật chứng: Xử tịch thu tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu
Fasol và 01 phong bì thư của Phòng KTHS Công an tỉnh Quảng Bình, số: 929/GĐ
- PC09, bên ngoài ghi “Mẫu ký hiệu A”, bên trong chứa 0,248g (*Không phải hai
trăm bốn mươi tám gam*) chất ma túy Heroine sau giám định, kèm theo vỏ bao
gói, đã được niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong và
dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình. (Vật chứng có đặc
điểm mô tả Nh trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều
tra công an thị xã Ba Đồn và Chi cục Thi hành án thị xã Ba Đồn vào ngày
16/9/2020.

- Về án phí: Xử buộc bị cáo Đậu Quyền Quý phải nộp 200.000 đồng (*Hai
trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được
quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết:.....

Việc nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số...../2020/HSST-QDTG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Đồn, ngày..... tháng.....năm 2020

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Anh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông:.....

..

Bà:.....

Căn cứ vào các điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy: Cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tạm giam bị cáo: Đậu Quyền Quý, sinh ngày 15/10/1994 tại: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Đông Cảng, xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12;

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt.....(.....) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 08/6/2020). Về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/9/2020.

2. Công an thị xã Ba Đồn có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Công an TX Ba Đồn;
- VKSND TX Ba Đồn;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Anh Đức

ĐỀ CƯƠNG ĐIỀU KHIỂN PHIÊN TOÀ HÌNH SỰ:
PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN TOÀ

Yêu cầu các đồng chí Cảnh sát làm bảo vệ phiên toà vào vị trí để HĐXX làm việc. Các bị cáo đứng vào chỗ khai.

+ Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2019, tại phòng xét xử. TAND huyện Bố Trạch mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Quả và Nguyễn Văn Chung bị VKSND huyện Bố Trạch truy tố về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tôi tuyên bố khai mạc phiên toà. Thay mặt HĐXX tôi công bố QĐXX (Đọc QĐXX).

+ Tôi giới thiệu thành phần HĐXX.

- Tôi Dương Viết Hải - Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà.

- Ngồi bên phải tôi là Ông:.....

- Ngồi bên trái tôi là Ông:.....

- Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch giữ quyền công tố nhà nước tại phiên toà có ông.....- Kiểm sát viên.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà có ông.....- cán bộ TA.

- Đề nghị Thư ký phiên toà báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên toà (Có mặt, vắng mặt, nêu rõ lý do). *Nếu có người vắng mặt thì hỏi KSV về việc vắng mặt của người đó. HĐXX hội ý tại chỗ và Quyết định việc tiếp tục xét xử hay hoãn phiên toà.*

+ Tôi kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng có mặt; phổ biến quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên toà.

- Bị cáo đứng lên: Bị cáo khai rõ họ và tên (Có tên gọi khác không)? Ngày tháng năm sinh? Nơi thường trú ? Nghề nghiệp làm gì? Trình độ văn hoá lớp mấy? Họ và tên bố, họ và tên mẹ?, sinh năm bao nhiêu? Hiện đang làm gì, sinh sống ở đâu? Bị cáo có vợ chưa, họ và tên vợ, sinh năm bao nhiêu? Đã có con chưa, họ và tên các con, sinh năm bao nhiêu? Hiện nay vợ và con đang làm ăn sinh sống ở đâu? - Bị cáo đã bị TA xét xử lần nào chưa? vào thời gian nào? tội gì ? - Bị cáo đã bị các cơ quan hành Ch xử phạt vi phạm hành Ch lần nào chưa, vào thời gian nào? - Bị cáo có bị bắt tạm giữ, tạm giam không? ngày tháng năm nào?

Theo quy định tại Điều 61BLTTHS.

- Bị cáo là người đã bị TA quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị cáo có các quyền sau: -Nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; bản án, quyết định của Tòa án và các quyết định tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này; -Tham gia phiên tòa; - Được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ; -Đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; - Đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa; - Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; - Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; - Tự bào chữa, nhờ người bào chữa; - Trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại Ch mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; - Đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý; - Tranh luận tại phiên tòa; - Nói lời sau cùng trước khi nghị án; - Xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa; - Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có nghĩa vụ: Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; - Tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị áp giải; nếu bỏ trốn thì bị truy nã; -Chấp hành quyết định, yêu cầu của Tòa án.

- Bị cáo đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? - Bị cáo đã nhận được bản cáo trạng chưa? Nhận được ngày tháng năm nào? - Bị cáo đã nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa? Nhận được ngày tháng năm nào? Có yêu cầu tiếp tục xét xử vụ án không? - Bị cáo có đề nghị thay đổi ai trong các thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên không?

+ Tôi kiểm tra căn cước và giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị hại.

- Bị hại đứng lên: Anh(chị) cho HĐXX biết họ và tên, sinh năm bao nhiêu, Hộ KTT ở đâu? Nghề nghiệp làm gì? Trình độ học vấn bao nhiêu?

Theo quy định tại Điều 62 BLTTHS quy định

Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra. Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền: - Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; - Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; - Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; - Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; - Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án; - Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; - Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường; - Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia

phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa; - Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; - Tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này; - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; - Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Bị hại có nghĩa vụ: - Phải tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải; - Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại Điều này; - Cơ quan, tổ chức là bị hại có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều này.

Bị hại đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? Có ý kiến Nh thế nào về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng? Có đề nghị thay đổi ai trong các thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên không?

+ Tôi kiểm tra căn cước và giải thích quyền và nghĩa vụ của người có QLNVLQ.

- Người có QLNVLQ đứng lên: Anh(chị) cho HĐXX biết họ và tên, sinh năm bao nhiêu, Hộ KTT ở đâu? Nghề nghiệp làm gì? Trình độ học vấn bao nhiêu?

Theo quy định tại Điều 65 BLTTHS:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ có quyền: - Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; - Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; - Yêu cầu giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật; - Tham gia phiên tòa; phát biểu ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi những người tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa; - Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; - Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; - Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có nghĩa vụ: - Phải tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; - Trình bày trung thực những tình tiết liên

quan đến quyền và nghĩa vụ của mình; - Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? Có ý kiến Nh thế nào về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng? Có đề nghị thay đổi ai trong các thành viên HĐXX, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên không?

+ Tôi kiểm tra căn cước và giải thích quyền và nghĩa vụ của người làm chứng.

Người làm chứng đứng lên: Anh(chị) cho HĐXX biết họ và tên; sinh năm bao nhiêu; Nơi ĐKNKTT, nghề nghiệp làm gì? Trình độ học vấn?

Theo quy định tại Điều 66 BLTTHS:

Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng. Người làm chứng có quyền: - Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này; - Yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa; - Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan đến việc mình tham gia làm chứng; - Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng có nghĩa vụ: - Tôn trọng HĐXX; - Chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa; - Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải; - Trình bày trung thực những tình tiết mà mình biết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và lý do biết được những tình tiết đó; - Người làm chứng khai báo gian dối hoặc từ chối khai báo, trốn tránh việc khai báo mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự.

- Anh (chị) đã nghe rõ quyền và nghĩa vụ của mình chưa? Có cam đoan là không khai báo gian dối không?

+ Ai có yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng hoặc tài liệu ra xem xét hay không?

+ Đề nghị đại diện VKS có ý kiến gì về phần thủ tục.

+ Không ai có ý kiến gì về phần thủ tục tôi tuyên bố kết thúc phần thủ tục chuyển sang phần xét hỏi. Đề nghị KSV đọc bản cáo trạng.

THỦ TỤC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TOÀ:

PHẦN XÉT HỎI:

+ Chủ tọa: - Bị cáo đã nghe rõ nội D bản cáo trạng chưa? Có giống nội D bản cáo trạng mà bị cáo đã nhận không? VKS truy tố bị cáo về tội gì? theo điều khoản nào của bộ luật hình sự? Có ý kiến gì về quyết định truy tố của VKS không?

- Bị cáo Hiếu trình bày tóm tắt diễn biến sự việc xảy ra vào chiều ngày 13/5/2020? Bị cáo đi đâu, làm gì, cùng với ai?

- Chiều ngày 13/5/2020 có ai điện thoại cho bị cáo không? Nội D cuộc điện thoại ntn? Sau khi nhận điện thoại củabị cáo đã làm gì? Hùng có quan hệ với bị cáo ntn? Sau đó bị cáo và Hùng đi đâu làm gì? Khi đi bị cáo mang theo gì không? đi bằng phương tiện gì, của ai? Khi đến đó thì có những ai, đang làm gì? Những người đó có mối quan hệ thế nào với bị cáo và Hùng? Sau đó các bị cáo làm gì? Khi đi hát KARAOKE ai là người rủ đi hát? Khi đến quán KARAOKE thì diễn ra việc gì? Sau đó các bị cáo làm gì? Tại sao bị cáo bỏ trốn khi thấy Công an bắt Hùng? Sau khi bỏ trốn bị cáo đi đâu, làm gì? Bị cáo tự đến cơ quan Công an để khai báo hành vi vi phạm pháp luật của mình hay Công an triệu tập bị cáo đến làm việc bị cáo mới khai ra hành vi phạm tội của mình?

Bị cáo có quan hệ ntn với đối tượng tên Mèo? Tại sao Bị cáo biết Mèo có ma túy mà mua? mua bao nhiêu, loại ma túy gì, loại ma túy đó có đặc điểm ntn? mua từ thời gian nào, hết bao nhiêu tiền? Mua ma túy với mục đích gì? Sau khi mua ma túy ở Mèo bị cáo để đâu, làm gì với số ma túy đó? Bị cáo có sử dụng ma túy không, loại ma túy gì, sử dụng bao lâu rồi, đã bị lệ thuộc vào ma túy chưa? Sau đó bị cáo đã làm gì với số ma túy còn lại? Bị cáo giao số ma túy còn lại cho Hùng từ khi nào, số lượng bao nhiêu? Tại sao lại đưa cho Hùng, để làm gì? Bị cáo có bị cơ quan Công an thu giữ gì không? Bị cáo có yêu cầu gì về những tài sản bị Công an thu giữ không? Bị cáo nhận thức thế nào về hành vi của mình?

- Bị cáo Hùng đã nghe rõ lời khai của Hiếu tại phiên tòa không? Bị cáo có khai bổ sung gì thêm không? Bị cáo trình bày tóm tắt diễn biến sự việc xảy ra vào chiều ngày 14/5/2020? Bị cáo rời nhà đi vào thời gian nào, đi đâu, cùng với ai, bằng phương tiện gì, phương tiện đó là của ai? Khi đi ăn, uống bia cùng Hiếu thì diễn ra việc gì? Sau đó bị cáo cùng mọi người làm gì? Ai là người rủ đi hát KARAOKE? Tại phòng KARAOKE đã diễn ra việc gì? Bị cáo có nhìn thấy Hiếu bỏ ma túy ra bàn để sử dụng không? Đặc điểm loại ma túy đó thế nào? Những ai sử dụng ma túy? Hiếu đưa số ma túy cho bị cáo từ khi nào, đặc điểm số ma túy đó thế nào? Bị cáo có biết đó là ma túy không? Tại sao bị cáo biết? Bị cáo có biết cất giấu ma túy là phạm tội không? Tại sao vẫn giấu giếm giúp Hiếu? Bị cáo có sử dụng ma túy không, loại ma túy gì, sử dụng bao lâu rồi, đã bị lệ thuộc vào ma túy chưa? Sau khi hát xong bị cáo đã làm gì, đi đâu và diễn ra việc gì? Khi bị cáo bị công an bắt giữ bị cáo có khai ra số ma túy đó là của Hiếu không? Tại sao Hiếu không bị bắt? Khi bị bắt Công an thu giữ của bị cáo những gì? Hiện nay số tài sản đó đâu rồi? Bị cáo có yêu cầu gì về số tài sản đó không? Bị cáo nhận thức thế nào về hành vi của mình?

+ Đề nghị các vị Hội thẩm hỏi thêm bị cáo?

+ Đề nghị KSV hỏi thêm bị cáo?

+ Có ai đề nghị hỏi thêm các bị cáo gì nữa không?

Không ai yêu cầu xét hỏi vấn đề gì thêm. Tôi tuyên bố kết thúc phần xét hỏi chuyển sang phần tranh luận. Đề nghị vị Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội.

PHẦN TRANH LUẬN TẠI PHIÊN TÒA:

* Bị cáo đã nghe rõ quan điểm luận tội của KSV chưa? Bị cáo có ý kiến tranh luận gì không? Luật sư bào chữa cho bị cáo Chung trình bày lời bào chữa?

* Đại diện viện kiểm sát có tranh luận gì thêm không?

* Có ai yêu cầu tranh luận gì thêm không. Không có ai yêu cầu tranh luận gì thêm. Tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận chuyển sang phần nghị án. Trước khi HĐXX vào phòng nghị án cho bị cáo nói lời sau cùng.

Yêu cầu mọi người nghỉ tại chỗ. Giao các bị cáo cho các đồng chí Công an bảo vệ phiên tòa tạm giữ trong thời gian HĐXX nghị án. Bị cáo phải có mặt khi HĐXX tuyên án.

HỘI THẨM HỎI BỊ CÁO

- Gia đình bị cáo có bao nhiêu thành viên, gồm những ai, ở chung hay ở riêng? Trước lúc bị bắt bị cáo làm gì, thu nhập bao nhiêu?

- Gia đình bị cáo có hưởng Ch sách gì của nhà nước không?

- Bị cáo sử dụng ma túy đã lâu chưa, loại ma túy mà bị cáo thường sử dụng là loại ma túy gì, tại sao bị cáo biết đó là ma túy hồng phiến?

- Bị cáo sử dụng gia đình bị cáo có biết không? có ai có ý kiến gì không?

- Bị cáo có biết ma túy hồng phiến là chất ma túy rất nguy hiểm, bị nhà nước cấm mua bán, cất giữ, sử dụng không?

- Tại sao bị cáo vẫn mua bán, cất giữ, cất giữ với mục đích gì?

- Bị cáo có biết tác hại của ma túy đối với sức khỏe của bản thân và kinh tế gia đình không? biết Nh thế nào? Tại sao bị cáo vẫn sử dụng?

